

**CÔNG TY TNHH TM-DV MAI HỮU HIỆU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM-DV MAI HỮU HIỆU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703236276

**3. Ngày thành lập:** 08/08/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

15/24 đường Số 4, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương,  
Việt Nam

Điện thoại: 0762078905

Fax:

Email: [haohao736201@gmail.com](mailto:haohao736201@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Thu gom rác thải không độc hại<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                         | 3811                                                         |
| 2.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                               | 3821                                                         |
| 3.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                     | 3822                                                         |
| 4.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                      | 4101                                                         |
| 5.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                 | 4311                                                         |
| 6.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                      | 4312                                                         |
| 7.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                         | 4330                                                         |
| 8.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                 | 4620                                                         |
| 9.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                         | 4631                                                         |
| 10. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                       | 4633                                                         |
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                     | 4649                                                         |
| 12. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(trừ kinh doanh vàng miếng)                                                                                                                                                                                     | 4662(Chính)                                                  |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                | 4663                                                         |
| 14. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (trừ bán buôn hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí) | 4669                                                         |
| 15. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>(trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)                                                                                                                                                                                     | 4933                                                         |
| 16. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                 | 7710                                                         |
| 17. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.           | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 6.900.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: MAI HỮU HIỆU

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 15/10/1997

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 080097008004

Ngày cấp: 04/02/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp Tân Hội, Xã Đức Lập Thượng, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Tân Hội, Xã Đức Lập Thượng, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: MAI HỮU HIỆU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/10/1997

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 080097008004

Ngày cấp: 04/02/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp Tân Hội, Xã Đức Lập Thượng, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Tân Hội, Xã Đức Lập Thượng, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương